

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- CẦN THƠ
Bản án số: 154/2025/DS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 26/12/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
Tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Bà Nguyễn Hồng Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N**

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, TP .

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh B, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh T1

Địa chỉ: Số A ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ

(Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/11/2022)

Ông Ngô Thanh B ủy quyền cho ông **Nguyễn Hữu M** theo giấy ủy quyền số 240/GUQ-NHNoTP ngày 30/12/2023 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn:

1/ Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1955 (có mặt)

2/ Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1955 (vắng mặt)

3/ Ông **Võ Văn Linh D**, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Võ Văn L1**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ

2/ Ông **Võ Văn T** (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 05 năm 2024, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, ông Võ Văn S, bà Lê Thị L và ông Võ Văn Linh D cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 7608-LAV-202100333 ngày 22/4/2021 với Ngân hàng N - Chi nhánh T2. Số tiền vay được nhận ngày 23/4/2021 là 280.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Võ Văn S, bà Lê Thị L, ông Võ Văn Linh D và ông Võ Văn L1 đã cùng ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 308 + 307 + 306 + 235, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 12.820m², loại đất: T 300m² + LNK 4.570m² + Mùa 7.950m², địa chỉ đất tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462275, vào sổ cấp giấy 00051 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Võ Văn S ngày 30/12/1999.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, thời hạn trả nợ khoản vay đã hết, Ngân hàng nhiều lần thông báo và mời ông Võ Văn S, bà Lê Thị L và ông Võ Văn Linh V đến yêu cầu trả nợ, nhưng không đến trả nợ dẫn đến phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 23/12/2021. Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu Toà án xem xét buộc ông Võ Văn S, bà Lê Thị L và ông Võ Văn Linh V trả nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 7608-LAV- 202100333 ngày

22/4/2021 cho Ngân hàng N - Chi nhánh T2 tính đến ngày 26/12/2025 là 475.439.519 đồng. gồm tiền gốc: 280.000.000 đồng; Lãi: 195. 439.519 đồng, trong đó: lãi trong hạn 22.090.237 đồng, lãi quá hạn: 173.349.246 đồng và tiếp tục tính Lãi quá hạn phát sinh sau ngày 26/12/2025 đến ngày trả tất nợ gốc.

Trường hợp ông Võ Văn S, bà Lê Thị L và ông Võ Văn L1 V không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7608-LAV-202100333 ngày 22/4/2021 thì Ngân hàng đề nghị được quyền phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với các thửa đất thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm Bị đơn ông Võ Văn S trình bày:

Ông Võ Văn S thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu M là, ông cùng vợ bà Lê Thị L và con là ông Võ Văn Linh D cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 7608-LAV-202100333 ngày 22/4/2021 với Ngân hàng N - Chi nhánh T2 để vay số tiền là 280.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và ông Võ Văn S đã nhận đủ tiền. Ông Võ Văn S cùng vợ bà Lê Thị L, còn là ông Võ Văn Linh D và ông Võ Văn L1 đã cùng ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 308 + 307 + 306 + 235, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 12.820m², loại đất: T 300m² + LNK 4.570m² + Mù 7.950m², địa chỉ đất tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462275, vào sổ cấp giấy 00051 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Võ Văn S ngày 30/12/1999.

Trước khi vay tiền của Ngân hàng và thế chấp tài sản ông Võ Văn S có cổ một phần đất trong thửa đất số 306, tờ bản đồ 14 cho ông Võ Văn T, diện tích cổ đất khoảng 3.000m² tọa lạc tại ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ. Hiện ông T đang canh tác và ông T cũng đang ở địa chỉ ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ. Giá cổ khi đó là 1,8 cây vàng 24k thời hạn cổ thì khi nào tôi có tiền sẽ chuộc lại đất.

Nay Ngân hàng yêu cầu trả số tiền vay ngày 26/12/2025 là 475.439.519 đồng. gồm tiền gốc: 280.000.000 đồng; Lãi: 195. 439.519 đồng, trong đó: lãi trong hạn 22.090.237 đồng, lãi quá hạn: 173.349.246 đồng ông Võ Văn S đồng ý trả khoản nợ trên nhưng hiện chưa có khả năng trả, trường hợp Tòa án buộc phải trả số nợ nêu trên thì ông cũng đồng ý và trường hợp ông S không trả được nợ cho ngân

hàng thì ông đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ.

* Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn Linh D trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Võ Văn S và không có ý kiến bổ sung.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Võ Văn T đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D phải thanh toán số tiền số tiền tính đến ngày xét xử 26/12/2025 là 475.439.519 đồng, trong đó tiền gốc: 280.000.000 đồng; Lãi: 195.439.519 đồng, trong đó: + Lãi trong hạn 22.909.273 đồng + Lãi quá hạn: 173.349.246 đồng và buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/12/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D không thanh toán nợ thì Ngân hàng N yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018 của Ngân hàng N - Chi nhánh T2 để thu hồi nợ.

Đề nghị buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T có trách nhiệm giao lại phần diện tích đất cầm cố tại thửa số 306, tờ bản đồ 14 tọa lạc

tại ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên hòa giải, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D thanh toán số tiền nợ vay theo các hợp đồng tín dụng. Quan hệ pháp luật nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại Điều 299, Điều 320 Điều 463 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Xét hợp đồng tín dụng được hai bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, có lập thành văn bản bằng Hợp đồng tín dụng số: 7608-LAV-202100333 ngày 22/4/2021, trong đó thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, thời hạn thanh toán vốn lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên đúng như lời trình bày của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hình thức và nội dung của hợp đồng. Cụ thể là ngày 22/4/2021, bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D có vay của Ngân hàng N số tiền 280.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng vay tài sản. Mục đích vay phục vụ nuôi trồng thủy sản và phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi xuất trong hạn; phương thức vay thanh toán trả gốc và lãi một lần khi đến hạn. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ Hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, phía nguyên đơn Ngân hàng N phát vay đủ số tiền vốn vay cho phía bị đơn bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D theo đúng thỏa thuận của hợp đồng. Phía bị đơn cũng đã nhận đủ số tiền vay như đã thỏa thuận. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn và giấy nhận nợ của bị đơn do phía nguyên đơn đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án mà bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D không có ý kiến phản đối, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn là sự thật, được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Cụ thể là, bị đơn ông bị đơn ông

Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D có vay của phía nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vốn 280.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn, phía bị đơn đã không thanh toán vốn và lãi nên còn nợ lại số tiền là 475.439.519 đồng, trong đó tiền vốn gốc: 280.000.000 đồng; Lãi: 195.439.519 đồng, gồm: Lãi trong hạn 22.909.273 đồng; Lãi quá hạn: 173.349.246 đồng.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số: 7608-LAV-202100333 ngày 22/4/2021 mà hai bên đã ký kết với nhau, nên phía bị đơn đã có lỗi và vi phạm hợp đồng nên phải chịu hậu quả về hành vi vi phạm của mình.

Xét yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay mà nguyên đơn yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phát sinh tiếp theo khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bị đơn ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D có nghĩa vụ trả số tiền nợ từ việc vay vốn cho Ngân hàng N là số tiền nợ gốc số tiền là 475.439.519 đồng, trong đó tiền vốn gốc: 280.000.000 đồng; Lãi: 195.439.519 đồng, gồm: Lãi trong hạn 22.909.273 đồng; Lãi quá hạn: 173.349.246 đồng.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Thấy rằng, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D có thể chấp cho Ngân hàng N là Quyền sử dụng đất thửa số 308 + 307 + 306 + 235, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 12.820m², loại đất: T 300m² + LNK 4.570m² + Mùa 7.950m², địa chỉ đất tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462275, vào sổ cấp giấy 00051 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Võ Văn S ngày 30/12/1999. Việc thế chấp tài sản nêu trên, hai bên có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có công chứng và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H, tỉnh Sóc Trăng. Trong Hợp đồng thế chấp các bên có thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng ngân hàng Nông nghiệp và N được quyền xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện trả nợ mà bên vay không

thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ; thoả thuận này phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự.

Như vậy, khi đến hạn trả nợ mà ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn L1 Dù không có khả năng trả nợ thì ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất thừa số 308 + 307 + 306 + 235, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 12.820m², loại đất: T 300m² + LNK 4.570m² + Mùa 7.950m², địa chỉ đất tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462275, vào sổ cấp giấy 00051 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Võ Văn S ngày 30/12/1999 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018.

Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định đo đạc và lời trình bày của các đương sự, trên thửa đất số 306, tờ bản đồ số 14, toạ lạc, ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nay là xã N, thành phố Cần Thơ mà bị đơn thế chấp cho phía ngân hàng N hiện các bị đơn đã cầm cố một phần diện tích đất cho ông Võ Văn T quản lý sử dụng.

Xét thấy mặc dù ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D đã cầm cố phần đất đang thế chấp tại Ngân hàng, tuy nhiên việc cầm cố trên các bên không có lập hợp đồng hợp pháp, không có giấy tờ hợp pháp, quyền sử dụng đất vẫn đang thế chấp tại ngân hàng và không được sự thống nhất đồng ý của phía ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T cũng không có ý kiến gì. Do đó, cần buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn T phải giao lại diện tích đất đang quản lý sử dụng tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 14, toạ lạc, ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nay là xã N, thành phố Cần Thơ khi Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án án cụ thể là: 475.439.519 đồng x 5% = 23.017.581 đồng.

Tuy nhiên Đối với bị đơn ông Võ Văn S và bà Lê Thị L, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Riêng ông Võ Văn

Linh D1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí là: 7.672.526 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm b khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm c khoản 1 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 325, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tiền vay còn nợ là 475.439.519 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 7608LAV201900141/HĐTD ngày 29/01/2019 từ ngày 27/12/2025 cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng.

- Ngân hàng N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462275, vào sổ cấp giấy 00051 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Võ Văn S ngày 30/12/1999 cho ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn L1 Dù khi những người này thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2/ Trong trường hợp ông Võ Văn S, Lê Thị L và Võ Văn Linh D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa số 308 + 307 + 306 + 235, tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 12.820m², loại đất: T 300m² + LNK 4.570m² + Mùa 7.950m², địa chỉ đất tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462275, vào sổ cấp giấy 00051 do UBND huyện M cấp cho hộ ông Võ Văn S ngày

30/12/1999 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800200/HĐTC ngày 14/5/2018 để ngân hàng thu hồi nợ.

- Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn T có trách nhiệm giao lại 306 tờ bản đồ số 14, tổng diện tích 12.820m², ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng khi Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Võ Văn S và bà Lê Thị L không phải chịu tiền án phí ân sự sơ thẩm. Riêng ông Võ Văn Linh D1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.672.526 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005648 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn

